

# NHÌN LẠI VIỆC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ VĂN HỌC DÂN GIAN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN XUÂN KÍNH\*

## I. Đặc thù của lịch sử văn học dân gian và một số kinh nghiệm biên soạn lịch sử văn học dân gian ở nước ngoài

### A. Đặc thù của lịch sử văn học dân gian

Lịch sử văn học dân gian khác với lịch sử văn học viết. Lịch sử văn học viết là "lịch sử các tác giả và sự nghiệp sáng tác của họ, là lịch sử các xu hướng văn học, các trào lưu văn học. Còn lịch sử văn học dân gian là gì? Cả văn học dân gian truyền thống lẫn văn học dân gian hiện đại đều không hề biết đến những cái gọi là trào lưu, trường phái, chủ nghĩa ("isme") ấy cùng những xung đột, những tác động qua lại của chúng. Dân chúng như là tác giả tập thể của văn học dân gian thì không có tên tuổi, không có "tiểu sử và sự nghiệp sáng tác"... Và, dù rằng trong kho tàng văn học dân gian có những tác phẩm mang tên tác giả hẳn hoi, dù rằng vai trò của nghệ nhân dân gian trong sự sáng tác và trình diễn các tác phẩm thuộc một số thể loại, đến một lúc nào đó, có to lớn đến đâu chăng nữa, người ta cũng không thể *chỉ* coi họ là tác giả của các tác phẩm có liên quan"<sup>(1)</sup>.

Cũng không thể hình dung lịch sử văn học dân gian như là lịch sử của các văn bản tác phẩm.

Văn học dân gian nói chung và một tác phẩm A nói riêng luôn luôn được lưu truyền trong không gian và qua thời gian. Quá trình lưu truyền có thể làm cho A sâu sắc hơn về nội dung, chặt chẽ thêm về kết cấu, trau chuốt hơn về nghệ thuật ngôn từ. Quá trình lưu truyền ấy cũng có thể giữ nguyên khung cấu tạo của A,

---

\* GS.TS. Viện Văn hóa dân gian

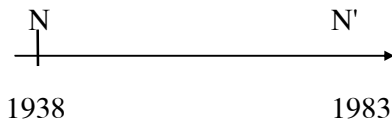
chỉ thay đổi một số chi tiết theo một trong hai xu hướng cụ thể hoá và khái quát hoá. Từng năm tháng, từng địa phương, từng nhóm người, từng cá nhân tiếp thu nó, ghi nhớ nó, lưu truyền nó đều in dấu vào nó, làm cho nó biến đổi. Sự biến đổi là liên tục và hiện tượng có bản khác (còn gọi là dị bản) xuất hiện một cách tất yếu trong quá trình này. Vận động đến một thời điểm nhất định (hoặc một địa phương nhất định), A sẽ thay đổi với một trong hai khả năng:

1. A thay đổi quá độ, trở thành một tác phẩm khác, là B chẳng hạn.
2. A thay đổi chưa vượt quá độ, vẫn là nó nhưng có thêm sắc thái mới, là A' chẳng hạn.

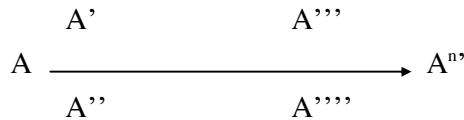
A và B là hai tác phẩm riêng biệt. Còn A và A' là hai bản khác nhau của một tác phẩm. Khi sưu tầm, người ta có thể gặp nhiều bản khác nhau của một tác phẩm và họ gọi hiện tượng này là "đại đồng tiểu dị".

Trong văn học viết cũng có hiện tượng có dị bản (bản khác). Dị bản trong văn học viết là sản phẩm trên con đường tìm tòi của nhà thơ, nhà văn nhằm đi tới một bản hoàn thiện nhất, hay nhất (theo ý tác giả). Nguyên nhân của sự có mặt của dị bản trong văn học viết còn là do việc đọc và phiên âm chữ Nôm (đối với văn học trung đại), do sự sửa chữa của nhiều thế hệ biên soạn, do sự sửa chữa của cơ quan xuất bản.

Bài thơ "Gặp gỡ" của nhà thơ Xuân Diệu (1917 - 1985) in năm 1938; đến lần in năm 1983 tác giả có sửa lại. Nếu gọi bản in năm 1938 là N và bản in năm 1983 là N' thì đến năm 1983, N' là bản chính thức, hay hơn N (theo ý nhà thơ). Đến lúc này người đọc rộng rãi chỉ biết đến N'.



Nếu quy ước diễn bản đầu tiên của một tác phẩm văn học dân gian là A, ta hình dung sự vận động của diễn bản này theo không gian và thời gian như sau:



A, A', A'', A''', A'''', ..., A<sup>n</sup> là sản phẩm của tập thể dân chúng. A''' có thể hay hơn A, nhưng cũng có thể kém đặc sắc hơn. Trên thực tế có sự xuất hiện khá tuần tự sau trước giữa nhiều diễn bản (A'', A''', A'') và có cả sự xuất hiện đồng thời (A' và A'').

Ở thời điểm hiện tại, qua sưu tầm chúng ta thu được ở dạng đồng đại:

A<sup>n</sup>

A'''  
 A  
 A''  
 A'  
 A'''

Nhìn chung, nhà nghiên cứu văn học dân gian rất khó và thường là không xác định được thời điểm ra đời của các diễn bản trên. Giả sử chúng được ghi chép lại thì chúng ta cũng chỉ biết được đến thời điểm G bộ mặt ngôn từ của diễn bản A'' được ghi lại, còn trước đó và sau đó diễn bản này như thế nào thì không ai biết được. Ở ta, việc ghi chép văn học dân gian được tiến hành khá muộn. *Việt điện u linh* được Lý Tế Xuyên biên soạn với lời tựa ghi năm 1329 và *Lĩnh Nam chích quái* được Vũ Quỳnh và Kiều Phú soạn ở thế kỉ XV. Đây là hai cuốn sách viết bằng chữ Hán, là kết quả của việc các nhà nho ghi chép, biên soạn thần tích, truyện cổ dân gian (vốn được kể bằng tiếng Việt cổ) với những thêm bớt, sửa chữa theo chủ quan của các soạn giả. Hiện nay, không còn các văn bản ấy ở thế kỉ XIV, XV mà chỉ còn lại những truyền bản ở những thế kỉ sau. Còn thơ ca dân gian? Từ cuối thế kỉ XVIII đến hết nửa đầu thế kỉ XIX cuốn sách *Nam phong giải trào* viết bằng chữ Hán, chữ Nôm của ba nhà nho là Trần Danh Án, Ngô Hạo Phu và Trần Doãn Giác nối tiếp nhau biên soạn, đề tựa. Trong sách này có hơn 70 lời ca dao được ghi lại bằng chữ Nôm. Đây là những tác phẩm ca dao được ghi lại sớm nhất. Kể “từ khi Trần Danh Án diễn giải những câu ca dao đầu tiên vào khoảng năm 1788 - 1789, cho đến khi văn bản *Nam phong giải trào* được khắc in và công bố, năm 1910, nó đã có cả một chặng đường lịch sử trên 100 năm”<sup>(2)</sup>.

PGS. Đỗ Bình Trị nhận thấy, “trong *truyện cổ tích Chử Đồng Tử*, một truyện cổ tích về người mồ côi, còn đọng lại một ít trầm tích của một “lớp” cổ về sự tích người anh hùng chinh phục đầm lầy, một loại *anh hùng văn hoá* thuộc phạm trù *thần thoại*. “Lớp” giữa, đã trở thành lõi truyện, là câu chuyện Chử Đồng Tử lấy công chúa Tiên Dung, trở thành con rể vua Hùng thứ III (hay thứ XVIII) và đã lập nên kì tích xây dựng lâu đài thành quách ở vùng Dạ Trạch. “Lớp” trên cùng, mang màu sắc tiên thoại, có thêm tình tiết Chử Đồng Tử kết duyên với một bà nữa, là Tây cung thần nữ (tức Ngải Hoà)”<sup>(3)</sup>. Ông đã nhận xét rất đúng, rằng “sự biến đổi theo thời gian của các tác phẩm văn học dân gian không chỉ dẫn tới sự xuất hiện những dị bản mà còn dẫn tới sự hình thành những “lớp” (couches) xã hội - lịch sử và sinh hoạt ngay trong một diễn bản (ở một số thể loại truyện cổ dân gian, đặc biệt là truyện cổ tích)”<sup>(4)</sup>.

### **B. Một số kinh nghiệm biên soạn lịch sử văn học dân gian ở nước ngoài**

Theo Đỗ Bình Trị, sự biến đổi theo thời gian của văn học dân gian phụ thuộc vào sự biến đổi lịch sử của đời sống nhân dân và của bản thân nhân dân. Vì vậy, sự biến đổi của cơ cấu xã hội của nhân dân cần được coi là một trong những căn cứ cho sự phân kì lịch sử văn học dân gian. Cơ cấu xã hội của nhân dân không biến đổi theo năm tháng, theo thế kỉ, mà theo những hình thái khác nhau của lịch sử xã hội. Và như vậy, cũng theo Đỗ Bình Trị, nhiều nhà khoa học xô viết phân kì lịch sử văn học dân gian theo hình thái xã hội là có cơ sở khoa học vững chắc.

Không phải nhà khoa học xô viết nào cũng phân kì lịch sử văn học dân gian theo hình thái xã hội. Trong giáo trình đại học *Foklore Nga*, Viện sĩ Iu. M. Xokólốp (1889 - 1941) trình bày folklore Nga theo hai thời kì. Đó là thời kì trước Cách mạng tháng Mười (1917) và thời kì xô viết. Đối với văn học dân gian trước Cách mạng tháng Mười, tác giả trình bày các thể loại: thơ ca nghi lễ lịch tiết, câu đố, tục ngữ, *bulina*(<sup>5</sup>), bài ca lịch sử, truyện cổ tích, kịch dân gian, những bài hát trữ tình, *saxtusca*(<sup>6</sup>), folklore của công xưởng, nhà máy,... Đối với văn học dân gian của thời kì xô viết, tác giả viết về dân ca và *saxtusca*, tục ngữ và câu đố, folklore các dân tộc Liên Xô,...(<sup>7</sup>) Trong giáo trình đại học *Văn học dân gian Nga*, GS. V.P. Anhikin và GS. Iu. G. Corugolóp chia lịch sử văn học dân gian Nga theo hai thời kì: từ thế kỉ IX cho đến giữa thế kỉ XIX; từ nửa sau thế kỉ XIX cho đến đầu thế kỉ XX. Trong mỗi thời kì, các tác giả viết theo thể loại(<sup>8</sup>).

Trong các cuốn sách *Văn học dân gian Nga* do GS. A. M. Nôvicôva và GS. A. V. Cakôrep chủ biên (1969)(<sup>9</sup>), *Văn học dân gian Nga* do GS. A. M. Nôvicôva chủ biên (1978)(<sup>10</sup>), *Văn học dân gian Nga* của hai GS. N. I. Corapxốp và X. G. Laduchin (1983)(<sup>11</sup>), folklore ngôn từ đều được trình bày theo ba thời đại: thời đại phong kiến, thời đại tư bản và thời đại xô viết. Trong mỗi thời đại, nhìn chung văn học dân gian cũng được trình bày theo thể loại.

Thí dụ, đây là nội dung của phần lịch sử văn học dân gian Nga trong cuốn sách do A. M. Nôvicôva chủ biên:

*Thời đại phong kiến*

Mở đầu

Bài ca lao động

Thơ ca nghi lễ lịch tiết

Lễ cưới và bài hát đám cưới

Bài hát than thở

Tục ngữ

Câu đố  
 Folklore thiếu nhi  
 Truyện cổ tích  
 Bulina  
 Bài ca lịch sử  
 Bài ca trữ tình  
*Thời đại tư bản*  
 Mở đầu  
 Những bài ca dân gian hình thái mới  
 Saxtusca  
*Thời đại xô viết*  
 ...(12)

Về tình hình nghiên cứu lịch sử văn học dân gian Trung Quốc, Thạc sĩ Bùi Thiên Thai cho biết: Cuốn sách viết về lịch sử văn học dân gian Trung Quốc một cách hoàn chỉnh và ra đời khá sớm (1934) là *Trung Quốc dân tục văn học sử lược* của Hồng Lượng. Thời gian trước và sau những năm 50 của thế kỉ XX là giai đoạn nghiên cứu văn học dân gian Trung Quốc từ chỗ “trăm hoa đua nở” trở về cục diện một tiếng nói. Các khái niệm “văn học bạch thoại”, “tục văn học” hay “văn học bình dân” không hề được nhắc đến nữa, chỉ còn lại khái niệm duy nhất là “văn học dân gian”. “Việc nghiên cứu văn học dân gian nhất trí cao độ với hình thức ý thức chủ lưu của nhà nước, định hướng dùng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm tư tưởng chỉ đường, đặt diễn tiến của văn học dân gian vào khung quy luật hình thái chung từ xã hội nguyên thủy - xã hội nô lệ - xã hội phong kiến - xã hội tư bản chủ nghĩa - xã hội xã hội chủ nghĩa - xã hội cộng sản chủ nghĩa; đồng thời ưu tiên lí giải mọi vấn đề từ phương diện kinh tế chính trị, đặc biệt đề cao văn học do nhân dân lao động sáng tác, nhấn mạnh tính giai cấp và tính nhân dân, lấy các đặc trưng này để phân biệt thật giả đối với văn học dân gian,...”(13). Ngoài ra, các tác giả đã học tập một cách phiến diện phương pháp của Liên Xô cũ, đề cao một cách thái quá sáng tác truyền miệng của nhân dân lao động. Tác phẩm đáng chú ý của thời kì này là *Trung Quốc dân gian văn học sử* (sơ thảo) do Nhà xuất bản Văn học nhân dân công bố năm 1958. Ai cũng biết, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt nghiên cứu lịch sử văn học dân gian thường được tiến hành bởi những người cầm bút có kinh nghiệm. Vậy mà bộ sách này lại là sản phẩm của 116 sinh viên năm thứ tư Khoa Trung văn, Trường Đại học sư phạm Bắc Kinh, hoàn thành “dưới sự lãnh đạo của Đảng”

nhằm "sơ bộ xây dựng hệ thống lịch sử văn học dân gian phản ánh cuộc đấu tranh của nhân dân lao động Trung Quốc". Tính chất tả khuynh, khiên cưỡng là đặc điểm rõ nhất của sách này.

Từ khi Trung Quốc cải cách mở cửa (1978) đến nay, giống như các lĩnh vực khác, việc nghiên cứu văn học dân gian thời kỳ này cũng có những thay đổi triệt để. Các cơ cấu tổ chức như Hiệp hội Văn nghệ dân gian được khôi phục, những thứ "học thuật quyền uy phản động" bị phê phán sai trước đây được xuất hiện trở lại. Đặc biệt, cùng với việc văn học dân gian được xác lập thành một môn học trong khoa văn của các trường đại học, các giáo trình, chuyên luận nối nhau ra đời. Quan điểm thời kỳ này đã không còn cực đoan như những năm 50, song do ảnh hưởng của phương pháp cũ quá đề cao sáng tác truyền miệng của nhân dân lao động, do vậy tuy phạm vi khoa học của các tài liệu này tương đối toàn diện nhưng trên thực tế còn chủ yếu thiên về ca dao và cổ tích, tức những cái gọi là "sáng tác truyền miệng của quần chúng" mà tương đối xem nhẹ phần tư liệu phong phú của văn học giảng xướng, văn học kịch, đồng thời cũng phân cắt quá rạch ròi văn học dân gian với văn học viết, thiếu độ uyển chuyển trong nghiên cứu những hình thái giao thoa (mà đây lại là hình thái giàu màu sắc Trung Quốc nhất). Đây chính là điều kiện mở đường cho nghiên cứu tục văn học phát triển. Theo tác giả Bùi Thiên Thai, khoa nghiên cứu văn học dân gian chú trọng hơn đến nghiên cứu đồng đại và điều tra điền dã, còn khoa nghiên cứu tục văn học lại chú trọng hơn đến nghiên cứu lịch đại và nghiên cứu văn bản. Năm 1999, bộ *Trung Hoa dân gian văn học sử* được Nhà xuất bản Giáo dục tỉnh Hà Bắc công bố. Bộ sách này về cơ bản thoát khỏi sự can dự của chính trị, các tranh luận đều xoay quanh các vấn đề học thuật. Nó gồm tám chương:

1. *Chương I: Thần thoại*
2. *Chương II: Sử thi*
3. *Chương III: Truyền thuyết*
4. *Chương IV: Cổ tích*
5. *Chương V: Ca dao*
6. *Chương VI: Thơ tự sự*
7. *Chương VII: Khúc nghệ, tiểu hí*
8. *Chương VIII: Ngạn ngữ, câu đố.*

"Trong đó mỗi chương đều có lịch sử riêng của từng thể loại. Đây là một điểm khác với phương thức biên soạn tổng thể trước đó, có thể coi là một sáng tạo, hoặc đúng hơn là hệ quả từ tính đặc thù của văn học dân gian cũng như

nghiên cứu văn học dân gian, bởi vì sự khác biệt về quá trình diễn biến trong lịch sử của các thể loại văn học dân gian là vô cùng lớn mà tư liệu để có thể làm sáng tỏ nó còn xa mới đủ, do vậy biên soạn theo thể loại là kinh tế nhất và cũng là đảm bảo độ sâu sắc hơn so với biên soạn theo tổng thể"<sup>(14)</sup>. Bộ sách đặc biệt chú trọng nghiên cứu văn học dân gian các dân tộc thiểu số, coi đây là đối tượng nghiên cứu bình đẳng với văn học dân gian người Hán. "Tuy nhiên, cách biên soạn này cũng thể hiện nhiều hạn chế như: thiếu tính thống nhất về mặt lịch sử, thiếu sức hấp dẫn của sử học; trùng lặp hoặc mâu thuẫn giữa các chương do ranh giới thể loại của một số tác phẩm là khá mong manh"<sup>(15)</sup>.

## II. Việc nghiên cứu lịch sử văn học dân gian ở Việt Nam

Ở Việt Nam, 36 năm qua, việc nghiên cứu văn học dân gian theo tiến trình lịch sử đã đạt được những kết quả bước đầu.

Năm 1972, GS. Đinh Gia Khánh và PGS. Chu Xuân Diên dành gần 200 trang sách trình bày "Sơ lược lịch sử văn học dân gian" qua bốn thời kì:

- + Thời kì từ trước thế kỉ thứ X
- + Thời kì từ thế kỉ X đến nửa cuối thế kỉ thứ XIX
- + Thời kì đấu tranh chống sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp
- + Thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Theo GS Đinh Gia Khánh, thời kì thứ nhất là thời kì nảy sinh bản lĩnh Lạc Việt và cuộc đấu tranh để giữ vững bản lĩnh ấy chống ách Bắc thuộc; thời kì thứ hai là thời kì phục hưng và phát triển bản lĩnh dân tộc trong quốc gia độc lập và trong cuộc đấu tranh của nhân dân chống những tệ lậu của chế độ phong kiến; thời kì thứ ba kéo dài từ giữa thế kỉ XIX đến năm 1945 tức là thời kì khẳng định bản lĩnh dân tộc trước chủ nghĩa thực dân để tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng mà giai đoạn cuối được sự lãnh đạo của Đảng vô sản và chủ nghĩa Mác - Lênin; thời kì từ 1945 đến nay là thời kì phục hưng vĩ đại và phát triển rực rỡ của bản lĩnh dân tộc... Mỗi thời kì lại có thể phân thành từng giai đoạn nhỏ hơn<sup>(16)</sup>.

GS. Đinh Gia Khánh nói rất đúng rằng, "ngày nay rất khó mà xây dựng được một cách cụ thể và đầy đủ lịch sử văn học dân gian"<sup>(17)</sup>. Với những tư liệu hiện có, ông và PGS. Chu Xuân Diên "phác thảo một cách đại cương phương hướng chung của lịch sử" văn học dân gian người Việt. Các tác giả xác định, "tất nhiên trong một phác thảo như vậy, có những phần chưa vượt ra khỏi tính chất ước thuyết và càng đi ngược lịch sử lên thời thái cổ thì tính chất ước thuyết đó càng tăng. Nhưng nói đến ước thuyết không có nghĩa là chỉ nói đến tôn nghi. Cần phải dựa trên những căn cứ vững chắc hơn cả mà chúng ta có được để khẳng định những điều có thể khẳng định, và từ những dữ kiện đã được khẳng định ấy đề xuất ra những ước thuyết. Như vậy thì những ước thuyết

này có khả năng không xa sự thực. Khả năng ấy càng nhiều nếu những ức thuyết về văn học dân gian phù hợp với phương hướng chung của lịch sử dân tộc. Lịch sử văn học dân gian không đồng nhất với lịch sử dân tộc, nhưng ở nước ta phương hướng chung của lịch sử văn học dân gian chắc chắn phải là một với phương hướng chung của lịch sử dân tộc (...) cho nên có thể dựa vào phương hướng chung của lịch sử dân tộc để ước đoán về những thời kì của lịch sử văn học dân gian mà chúng ta chỉ giữ được rất ít hoặc không giữ được những tài liệu ghi chép thân thoại, truyện cổ tích, dân ca, tục ngữ,... Phương hướng chung được xác định thì ít nhiều cũng giúp ích cho việc đi sâu vào những vấn đề cụ thể"<sup>(18)</sup>.

Với sự hiểu biết sâu rộng, hai tác giả đã tham bác nhiều tài liệu, tiếp thu thành quả của các ngành khoa học xã hội đương thời, trình bày có hệ thống với những biện giải giàu sức thuyết phục về lịch sử văn học dân gian người Việt. Tập sách của hai ông xuất bản trước cuốn sách *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam* của Cao Huy Đình hai năm<sup>(19)</sup>. Hai ông đã mở đầu cho việc nghiên cứu lịch sử văn học dân gian người Việt một cách có hệ thống.

Năm 1974, trong cuốn sách *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, tác giả Cao Huy Đình "cố gắng theo hướng lịch sử" mà tìm hiểu "một số vấn đề về sự phát triển của văn học dân gian cổ truyền" và nhằm mấy yêu cầu sau đây:

1. *Chú trọng đến những tác phẩm tiêu biểu* cho sự tồn tại của mỗi thể loại, thể hiện trọn vẹn những đặc trưng cơ bản của thể loại ấy và là những cái mốc lịch sử văn học dân gian Việt Nam: chẳng hạn *Thánh Gióng, Tấm Cám, Thạch Sanh, Chàng Lía, Trạng Quỳnh, v.v...*, mỗi câu ca đẹp, mỗi bài vè hay... đều có ý nghĩa như vậy.

2. Qua việc phân tích những tác phẩm ấy mà *phác họa quá trình phát triển của từng thể loại* gắn bó với quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, đáp ứng yêu cầu chính trị - xã hội và văn hoá - thẩm mỹ của nhân dân từng thời kì"<sup>(20)</sup>.

Cao Huy Đình viết:

"*Thần thoại* Việt đã tiến từ suy nguyên và sùng bái các lực lượng thiên nhiên đến những biểu tượng anh hùng tập thể dựng nước, giữ nước và sáng tạo văn hoá, khi liên minh bộ tộc Văn Lang hình thành vững chắc. *Truyện cổ tích thần kì*<sup>(\*)</sup> ra đời gắn với xung đột tư hữu trong gia đình cổ lúc chế độ phụ quyền và hôn nhân lứa đôi ra đời. *Truyền thuyết lịch sử* và *sử ca* là một cách ghi nhớ những vị anh hùng dân tộc qua nhiều thế hệ. Nó phát sinh trong điều kiện nhân dân chưa sử dụng được lịch sử thành văn. *Ngụ ngôn, truyện cười* và *ca vè hài hước châm biếm* phồn thịnh lúc chế độ phong kiến trở nên xấu xa, lố bịch. Quần chúng nổi dậy cầm vũ khí đánh quan lại và triều đình thì *sử ca anh hùng*



nông dân xuất hiện. *Kịch bản chèo* tương đối ổn định khi có truyện thơ Nôm bình dân. Và việc phổ biến rộng rãi truyện thơ Nôm chứng tỏ quần chúng đang trên đà chiếm lĩnh văn học thành văn bằng tiếng mẹ đẻ và chữ viết dân tộc. *Dân ca* nhiều loại đã ra đời từ thời cổ, nhưng người lao động, người phụ nữ càng bị áp bức bóc lột tàn nhẫn thì ca dao trữ tình càng nảy nở sinh sôi và lan truyền rộng rãi. *Vè* phải cấp thiết làm nhiệm vụ cổ động chiến đấu và phổ biến thời sự khi người dân đã bắt đầu có ý thức mạnh mẽ về nhiệm vụ lịch sử của mình trước họa mất nước. *Tục ngữ* đời đời nảy sinh ra trên tiếng nói hằng ngày của nhân dân và từ thế kỉ XV đã ùa vào văn học thành văn, lúc tri thức thực tiễn của người lao động chiếm lĩnh được tư duy của các tầng lớp xã hội khác, v.v..."<sup>(21)</sup>.

Nhà nghiên cứu cũng hiểu rằng, việc giới thiệu lần lượt những thể loại nổi bật như trên không hề có ý đồ phủ định sự mạnh mẽ của nó trước đó hoặc sự lưu truyền nó sau đó, cũng không hề có ý đồ phủ định sự tồn tại của nhiều thể loại khác song song và đồng thời với nó, và càng không phải không công nhận rằng có những hình thức phổ biến tồn tại và vận động suốt cả trong lịch sử như ca, vè, tục ngữ.

Đúng như Phó giáo sư Đỗ Bình Trị nhận xét, công trình này mang dáng dấp kiểu phác đồ *thể loại - lịch sử*. Và Đỗ Bình Trị đã sơ đồ hoá khá chính xác phác thảo của Cao Huy Đình về tiến trình văn học dân gian người Việt:

Thể loại (thể tài) Nhóm thể loại (dòng) Lĩnh vực (= văn học Nôm bình dân)	Thời kì sinh thành, phát triển
Thân thoại Tự sự lịch sử (hay sử ca dân gian) Tự sự xã hội (truyện cổ tích thần kì, ngụ ngôn) Thơ ca dân gian (Ca dao, tục ngữ)	(Thời cổ) (Từ khoảng sáu, bảy thế kỉ trước CN đến XV) (XI - XV) (Từ thời cổ đến XV)
Văn học Nôm bình dân (truyện Nôm, thơ Nôm, phú Nôm, vè nói Nôm, chèo diễn tích Nôm - "Văn học quần chúng") Truyện cười - Vè lịch sử	(XVI - XVIII) (XVIII)

Thơ ca trữ tình	(XIX - đầu XX)
Thơ ca thời sự	

Qua sơ đồ này<sup>(22)</sup>, chúng ta thấy Cao Huy Đình đã trung thành với mục tiêu khiêm tốn và hiện thực mà ông tự đề ra cho mình ở đầu sách rằng, đây "chưa phải là lịch sử văn học dân gian", mà chỉ "gồm một số vấn đề về sự phát triển của văn học dân gian cổ truyền", đặc biệt là vấn đề sự phát triển của từng thể loại.

Tuy phần viết về tiến trình văn học dân gian không dày lắm (240 trang) song phần này đã được nhiều nhà nghiên cứu (Mã Giang Lân, Ninh Viết Giao,...) đánh giá là một phác thảo sinh động về diện mạo văn học dân gian người Việt. Cao Huy Đình "là một nhà khoa học nhưng (ông) lại (viết) với giọng văn hùng hồn, sôi nổi, lôi cuốn, nên mỗi trang, mỗi dòng đều rung động người đọc"<sup>(23)</sup>. Chẳng hạn, khi bàn về những nghệ nhân dân gian trong thời suy của chế độ phong kiến, ông viết say sưa với bút pháp hoành tráng nhưng không khoa trương mà vẫn tinh tế và chính xác như sau:

"Đó chính là lực lượng bình dân, đã góp phần làm cho nhân dân, dân tộc lớn mạnh và đẩy chế độ phong kiến vào con đường suy vong.

Những tác giả vô danh đã hoà tiếng nói mình vào tiếng nói chung của đông đảo nông dân và thợ thủ công từ nay sẽ là:

- Những "liền anh liền chị" day dứt nỗi lòng hoặc vui rộn tình xuân trong tiếng hát giao duyên ngày hội làng;
- Những người ca mù nhưng vẫn thông tỏ cuộc đời và đi gieo chuyện khắp đó đây;
- Những ả đào ở giáo phường nơi đô hội cảm thấy xót xa phận "xướng ca vô loài" mà vẫn không ngớt giọng ca ngâm;
- Những người lính thú không muốn xả thân cho mưu đồ vua chúa trong các cuộc chiến tranh phong kiến, nên "bước chân xướng thuyền nước mắt như mưa";
- Những anh khoá, anh đồ chán chường "văn chương phú lục chẳng hay, trở về làng cũ học cày cho xong";
- Những người buôn bán ngược xuôi, vui với chuyến hàng mới nơi xa, như "lên Vũ Ứn mà quên đường về"<sup>(24)</sup>.

Với một năng lực tư duy mạnh và sắc sảo, Cao Huy Đình đã đứng đắn khi cho rằng: "... do hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của từng thời kì mà nhân dân quan tâm đặc biệt đến vấn đề này hay vấn đề khác. Cũng do yêu cầu của cuộc sống và những truyền thống văn hoá - thẩm mỹ sẵn có ở từng thời kì mà một số thể loại này nảy sinh phồn thịnh, đậm đà nội dung và tính chất thời đại trội hơn

*các thể loại khác*"<sup>(25)</sup>). Cao Huy Đình cũng đã có sự dè dặt cần thiết: "Việc giới thiệu lần lượt những thể loại nổi bật ấy không hề có ý đồ phủ định sự mạnh mẽ của nó trước đó hoặc sự lưu truyền nó sau đó, cũng không hề có ý đồ phủ định sự tồn tại của nhiều thể loại khác song song và đồng thời với nó, và càng không phải không công nhận rằng có những hình thức phổ biến tồn tại và vận động suốt cả trong lịch sử như ca, vè, tục ngữ"<sup>(26)</sup>).

Mặc dù Cao Huy Đình đã xuất phát từ một tiền đề lí luận hợp lí, đã có sự dè dặt cần thiết như vừa nêu, những lí lẽ mà tác giả *Tìm hiểu tiến trình...* dùng làm căn cứ "để đặt thể loại này hay thể loại khác vào tuyến lịch sử còn quá giản đơn, chưa đủ sức thuyết phục"<sup>(27)</sup>.

Chẳng hạn, tác giả viết: "Quần chúng nổi dậy cầm vũ khí đánh quan lại và triều đình thì *sử ca anh hùng nông dân* xuất hiện"<sup>(28)</sup>. Do tác giả quan niệm rằng sử ca "bao gồm một hệ thống truyện kể, lời ca và trò diễn như thần thoại, kế thừa những đề tài và biện pháp thần thoại trong một chừng mực nhất định, nhưng đã theo sát lịch sử cụ thể của dân tộc, đất nước trong từng thời kì"<sup>(29)</sup>, định nghĩa này "bỏ ngỏ khả năng cho việc gán cho người Việt ở các thời kì lịch sử khác nhau, có thể cách xa nhau hàng ngàn năm (từ thời cổ đại đến giai đoạn chế độ phong kiến suy vong) những khuynh hướng thẩm mỹ và hình thức thực hiện những khuynh hướng ấy *như nhau*, trình độ ý thức lịch sử *như nhau*. Điều này trái với quan điểm lịch sử"<sup>(30)</sup>. Ngoài ra, liệu có phải toàn bộ sử ca nhất thiết nảy sinh *ngay sau khi* xảy ra sự kiện mà nó phản ánh không"<sup>(31)</sup>.

Tóm lại, theo PGS. Đỗ Bình Trị, kiểu phác thảo thể loại - lịch sử của Cao Huy Đình đã bộc lộ "những nhược điểm dễ thấy". "Với kiểu phác đồ này, tiến trình lịch sử văn học dân gian khó tránh khỏi bị lược quy về một con đường phát triển đơn tuyến, nghĩa là bị sơ đồ hoá"<sup>(32)</sup>.

Dưới thời GS. Nguyễn Khánh Toàn đứng đầu Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, cơ quan nghiên cứu khoa học lớn này đã triển khai biên soạn các công trình quan trọng sau đây:

- + *Tổng tập Văn học Việt Nam*;
- + *Lịch sử Văn học Việt Nam*;
- + *Lịch sử Việt Nam*;
- + *Ngữ pháp tiếng Việt*;
- + *Từ điển tiếng Việt*.

Trải qua hơn ba chục năm, cho đến nay các công trình *Lịch sử Việt Nam*, *Lịch sử Văn học Việt Nam* vẫn còn dang dở<sup>(33)</sup> Năm 1980, *Lịch sử Văn học Việt Nam* được công bố tập I<sup>(34)</sup> Ngoài phần "Mở đầu", tập này gồm ba phần.

*Phần thứ nhất:* Văn học trong buổi đầu mở nước (từ thế kỉ X về trước). Phần này chỉ giới thiệu văn học dân gian thời văn hoá Đông Sơn và thời Bắc thuộc

*Phần thứ hai:* Văn học các dân tộc thiểu số. Phần này viết về văn học các dân tộc thiểu số từ mở đầu đến năm 1945.

*Phần thứ ba:* Văn học Việt Nam trong thời kì xây dựng quốc gia Đại Việt (từ thế kỉ X - giữa thế kỉ XIX). Phần này gồm 14 chương, trong đó chương đầu viết về văn học dân gian trong thời kì Đại Việt (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX). Chương này gồm 24 trang. 13 chương còn lại gồm 222 trang với các nội dung sau:

- + Văn học viết từ thế kỉ X đến thế kỉ XV
- + Nguyễn Trãi, ngôi sao sáng chiếu rọi từ bầu trời văn học thế kỉ XV
- + Văn học viết nửa sau thế kỉ XV và Lê Thánh Tông
- + Văn học viết từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XVIII
- + Nguyễn Bỉnh Khiêm
- + "Truyền kì mạn lục"
- + "Thiên Nam ngữ lục"
- + Văn học viết từ giữa thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX
- + "Chinh phụ ngâm" và "Cung oán ngâm"
- + Nguyễn Du và "Truyện Kiều"
- + "Hoàng Lê nhất thống chí"
- + Hồ Xuân Hương
- + Cao Bá Quát.

Đến nay vẫn chưa thấy công bố tập II. Trong tập I, văn học dân gian được giới thiệu bên cạnh văn học viết, dung lượng số trang dành cho nó với một tỉ lệ ít ỏi (so với văn học viết), cách viết lịch sử văn học dân gian rõ ràng khác với cách viết lịch sử văn học viết: không thể viết "văn học dân gian nửa sau thế kỉ XV", "văn học dân gian từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XVIII", trong khi đó văn học viết đã được trình bày theo các khung thời gian cụ thể như vậy.

Năm 1991, Nhà xuất bản Giáo dục công bố *Văn học dân gian Việt Nam*, tập I của PGS. Đỗ Bình Trị. Cuốn sách gồm bốn chương, trong đó tác giả dành một chương (97 trang) viết về "sự phát triển lịch sử của văn học dân gian Việt Nam". Trong chương này, ông dành một mục viết về mấy vấn đề chung của nghiên cứu lịch sử văn học dân gian. Ở mục còn lại, tác giả trình bày những nét khái quát của tiến trình lịch sử của văn học dân gian Việt Nam.

PGS. Đỗ Bình Trị nhận xét: "Phần đông các nhà nghiên cứu folklore, vốn "xuất thân" là người nghiên cứu văn học, đã hình dung tiến trình văn học dân

gian na ná như tiến trình văn học (viết). Nếu xuất phát từ quan điểm đồng nhất hai tiến trình này mà tìm hiểu lịch sử văn học dân gian hoặc đánh giá một phác thảo lịch sử văn học dân gian thì sự thể sẽ diễn ra tương tự như chẳng hạn, nghĩ về *chèo*, thưởng thức *chèo* bằng những hiểu biết về *kịch nói*, với những chuẩn tắc dùng cho *kịch nói*"<sup>(35)</sup>.

Theo tác giả, "do bản chất văn hoá - thẩm mỹ và những đặc trưng riêng của nó, *tiến trình văn học dân gian là một tổng thể phức tạp bao gồm toàn bộ các hoạt động sáng tác diễn xướng và tiếp nhận (thưởng thức); lịch sử văn học dân gian là lịch sử cuộc sống của các diễn bản trong đời sống nhân dân, gắn liền với các hoạt động thực tiễn của nhân dân, như lao động sản xuất, sinh hoạt gia đình, sinh hoạt tập thể - cộng đồng (hội lễ, vui chơi giải trí, v.v...) và các hoạt động xã hội khác*"<sup>(36)</sup>.

Chúng tôi hoàn toàn tán thành khi ông viết: "(...) không thể phân kì lịch sử văn học dân gian một cách chi li như phân kì lịch sử văn học. Và, những cái mốc trên tiến trình văn học dân gian cũng chỉ có ý nghĩa thuần túy quy ước để phân định các chặng lớn của con đường phát triển lịch sử của nó mà thôi"<sup>(37)</sup>

Sau khi tán thành cách làm của các nhà khoa học xô viết khi phân kì văn học dân gian Nga theo hình thái xã hội (thời đại phong kiến, thời đại tư bản, thời đại xô viết), PGS. Đỗ Bình Trị cho rằng, lịch sử Việt Nam có những đặc điểm riêng so với lịch sử các nước đã trải qua con đường "kinh điển" của sự phát triển xã hội. Vậy cần dựa vào con đường tiến hoá của dân tộc làm cơ sở chung cho sự phân kì lịch sử văn học dân gian. Vận dụng quan điểm này để xử lí cách phân kì "theo hình thái xã hội" cho phù hợp với đặc điểm lịch sử nước ta, PGS. Đỗ Bình Trị phân chia lịch sử văn học dân gian Việt Nam thành năm chặng lớn như sau:

1. Thời kì dựng nước
2. Thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của các triều đại Hán, Đường
3. Thời kì xã hội phong kiến
4. Thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp và giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức phong kiến
5. Thời kì sau Cách mạng tháng Tám.

"Để cái khung phân kì này mang dáng dấp con đường phát triển lịch sử, phải "lấp đầy" nó bằng các thể loại, các tác phẩm cụ thể. Nhưng giả sử có thể làm được việc này với tất cả tư liệu hiện có, ta vẫn phải để lại những khoảng trống ở mọi thời kì, đặc biệt là hai thời kì đầu. Khoa học còn có nhiều việc phải làm với những khoảng trống ấy, mà việc quan trọng nhất là nêu lên những giả thuyết cần thiết để phỏng đoán những mắt xích bị đứt, cố gắng hình dung ra cái *mạch*

lạc nội tại (cohérence) của sợi dây chuyền các sự kiện nhằm có được cái nhìn toàn cảnh đối với cả tiến trình"<sup>(38)</sup>.

Hiện nay, chúng tôi đã hoàn thành bản thảo về lịch sử văn học dân gian người Kinh (Việt). Tiếp thu và kế thừa kinh nghiệm và thành quả của các tác giả đi trước, trong bản thảo này, chúng tôi phân kì văn học dân gian người Việt theo các thời kì của văn hoá Việt Nam.

Có thể phân chia lịch sử văn hoá Việt Nam thành bốn thời kì (với những cách gọi tên khác nhau do nhiều nhà nghiên cứu đề xuất) như sau:

+ Thời kì từ khoảng sáu, bảy thế kỉ trước Công nguyên đến đầu Công nguyên (thời kì này còn được gọi là thời kì hình thành những nền tảng, hoặc: thời sơ sử);

+ Thời kì thiên niên kỉ đầu Công nguyên (thời kì này có người gọi là thời kì Tiền Đại Việt, hoặc: thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc);

+ Thời kì từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX (thời kì này có người gọi là: thời kì văn hoá truyền thống, hoặc: thời kì Đại Việt, hoặc: thời kì nhà nước quân chủ độc lập);

+ Thời kì từ cuối thế kỉ XIX đến nay.

Có thời kì bao gồm nhiều giai đoạn. Chẳng hạn ở thời kì từ cuối thế kỉ XIX đến nay, có thể chia thành hai giai đoạn: a/ từ cuối thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945; b/ từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay.

Lịch sử văn hoá Việt Nam không trùng khớp với lịch sử văn học Việt Nam, nhưng phương hướng chung của lịch sử văn hoá và lịch sử văn học là thống nhất. Vì vậy, có thể trình bày lịch sử văn học dân gian người Kinh (Việt) theo bốn thời kì đã nêu.

Khi trình bày những hiện tượng cụ thể của văn học dân gian người Việt, chúng tôi đã kế thừa và vận dụng nhiều thành tựu nghiên cứu của GS. Đinh Gia Khánh, PGS. Đỗ Bình Trị, PGS. Chu Xuân Diên và những tác giả khác(\*\*).

---

#### Chú thích

\*\* Bài đã đăng trên Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 3/2008.

1. Đỗ Bình Trị (1991), *Văn học dân gian Việt Nam*, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 91. Tiếng *chỉ* in nghiêng là do Đ.B.T nhấn mạnh.
2. Kiều Thu Hoạch (2006), *Văn học dân gian người Việt - góc nhìn thể loại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 563.

3. Đỗ Bình Trị giải thích: Truyện *Chử Đồng Tử* có nguồn gốc thần thoại. Về sau, nó được lịch sử hoá, thành một truyền thuyết thuộc chuỗi truyền thuyết về thời các vua Hùng. Khi chuỗi này đứt, một vài truyện kể biến thành truyện cổ tích (*Chử Đồng Tử, Sự tích bánh chưng, bánh dày, Sự tích trâu cau, Sự tích dưa hấu,...*). Như vậy, có thể tìm hiểu truyện này từ góc độ của các thể loại khác nhau.
4. Đỗ Bình Trị (1991), sđd, tr. 95.
5. Về bulina, có thể hình dung về thể loại này qua đoạn văn sau: "Anh hùng ca bulina là thơ ca truyền miệng, ngợi ca những sự tích anh hùng mà nhân dân ghi lòng tạc dạ hoặc những sự việc đáng nêu gương cho mọi người noi theo. Anh hùng ca có nguồn gốc sâu xa hàng ngàn năm trong chế độ thị tộc bộ lạc nguyên thủy. Ngày nay chỉ còn sót lại một số ít bulina cổ, chúng hình thành trong những thế kỉ đầu tiên của nhà nước Nga và sở dĩ còn lưu lại được là do những điều kiện lịch sử nhất định của miền Bắc Nga (...) Các nhà dân tộc học thế kỉ XIX đã ghi lại những trường hợp nhất thiết phải có trình diễn bulina trong những ngày hội năm mới ở làng xã, khi đó chẳng những tiến hành nghi lễ khẩn cầu tương lai mà còn ôn lại quá khứ nữa". A. M. Nôvicôva chủ biên, *Sáng tác thơ ca dân gian Nga*, bản dịch của Đỗ Hồng Chung - Chu Xuân Diên, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983, tập II, tr. 3 - 4.
6. Saxtusca: "là những bài ca nhỏ, ngắn gọn, thường gồm bốn câu (tức dòng - N.X.K), có vần, nội dung phong phú nhiều vẻ. Đôi khi saxtusca lại gồm sáu hoặc tám câu. Còn saxtusca hai câu lưu hành trong thanh niên lại có tên là *xtoradanhie*" (A. M. Nôvicôva chủ biên, bản dịch đã dẫn, tr. 225). Saxtusca có từ trước Cách mạng tháng Mười (1917) nhưng có muộn hơn những bài ca cổ truyền (bài ca: dịch từ piéchnie).
7. Iu. M. Xôkôlốp (1941), *Folklore Nga*, Matxcova, 560 tr.
8. V. P. Anhikin - Iu. G. Corugôlốp (1983), *Văn học dân gian Nga*, Nxb Giáo dục, 416 tr.
9. Tập thể tác giả sách này là: T. M. Akimôva - V. A. Vaxilencô - V. I. Igonatôp - A. C. Caiep - M. G. Kitainhich - A. I. Ladarep - A. M. Nôvicôva - L. G. Orolôp - V. M. Xidennhicôp. Sách do Nxb Đại học, Matxcova công bố, gồm 520 tr.
10. Sách này đã được dịch ra tiếng Việt với tên gọi *Sáng tác thơ ca dân gian Nga*, bản dịch của Đỗ Hồng Chung - Chu Xuân Diên, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983, in thành hai tập.
11. Sách này do Nxb Đại học, Matxcova in lần đầu năm 1977; cũng Nhà xuất bản này năm 1983 in lần thứ hai, có sửa chữa, bổ sung, 448 tr.
12. Bản dịch đã dẫn của Đỗ Hồng Chung - Chu Xuân Diên.
13. Bùi Thiên Thai (2008), "Về một số bộ lịch sử văn học dân gian Trung Quốc", Tạp chí *Văn hoá dân gian*, Hà Nội, số 2, tr. 77.
14. Bùi Thiên Thai (2008), bđd, tr. 79.
15. Bùi Thiên Thai (2008), bđd, tr. 79.
16. Đinh Gia Khánh (chủ biên) - Chu Xuân Diên (1972), *Văn học dân gian*, tập I, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, tr. 173 - 174.
17. Đinh Gia Khánh (chủ biên) - Chu Xuân Diên (1972), sđd, tr. 173.
18. Đinh Gia Khánh (chủ biên) - Chu Xuân Diên (1972), sđd, tr. 173.
19. Nhận định như nhà báo Nguyễn Việt Chiến là chưa chính xác: "*Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam* là cuốn đầu tiên xếp văn học dân gian theo các giai đoạn lịch sử" ("*Ca*

- Huy Đình - nhà nghiên cứu văn hoá Ấn Độ đầu tiên ở Việt Nam", tuần báo Văn nghệ, Hà Nội, 1994, đặc san tháng 4 về văn hoá, văn học Ấn Độ, tr. 17).
20. Cao Huy Đình (1974), *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 12 - 13.
21. Cao Huy Đình (1974), sđd, tr. 13 - 14.
- (\*) in nghiêng là do N.X.K
22. Đỗ Bình Trị (1978), *Nghiên cứu tiến trình lịch sử của văn học dân gian Việt Nam*, Trường Đại học sư phạm Hà Nội I xb, tr. 52.
23. Ninh Viết Giao (1990), "Cao Huy Đình", trong tập sách nhiều tác giả: *Nghệ Tĩnh. Gương mặt nhà văn hiện đại*, Nxb Văn hoá, Hà Nội, tr. 113. Những chỗ để trong ngoặc đơn là do N.X.K.
24. Cao Huy Đình (1974), sđd, tr. 112 - 113.
25. Cao Huy Đình (1974), sđd, tr. 14. Chỗ in nghiêng là do C.H.Đ.
26. Cao Huy Đình (1974), sđd, tr. 14.
27. Đỗ Bình Trị (1978), sđd, tr. 54.
28. Cao Huy Đình (1974), sđd, tr. 13. Chỗ in nghiêng là do C.H.Đ.
29. Cao Huy Đình (1974), sđd, tr. 226.
30. Đỗ Bình Trị (1978), sđd, tr. 54.
31. Đỗ Bình Trị (1978), sđd, tr. 55.
32. Đỗ Bình Trị (1978), sđd, tr. 51.
33. Đến năm 1985, *Lịch sử Việt Nam* mới xuất bản được hai tập, còn tập III hiện nay vẫn không thấy công bố. *Từ điển tiếng Việt* sau khi ra được tập I (từ chữ A đến chữ C) thì phải điều chỉnh quy mô cho phù hợp với khả năng tổ chức, lực lượng biên soạn và đã ra mắt bạn đọc. *Tổng tập Văn học Việt Nam* và *Ngữ pháp tiếng Việt* đã được xuất bản. *Lịch sử Văn hoá Việt Nam* (dự kiến bốn tập) thì vẫn còn dừng lại ở bản đề cương chi tiết của GS. Nguyễn Khánh Toàn.
34. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1980), *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. Sách này được biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. Giáo sư Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn viết lời tựa. Giáo sư Đinh Gia Khánh được giao xử lý bản thảo lần chót. Các tác giả là: Huỳnh Lý - Đinh Gia Khánh - Hoàng Tuệ - Cao Huy Đình - Nông Quốc Chấn - Phan Đăng Nhật - Nguyễn Văn Hoàn.
35. Đỗ Bình Trị (1991), sđd, tr. 91.
36. Đỗ Bình Trị (1991), sđd, tr. 91. Chỗ in nghiêng là do Đ.B.T.
37. Đỗ Bình Trị (1991), sđd, tr. 92.
38. Đỗ Bình Trị (1991), sđd, tr. 93.